

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2019/HSST
Ngày 06 tháng 11 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ- TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Danh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thích và bà Triệu Thị Liên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Vương Thị Minh Khuê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HS ngày 25/10/2019 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Thị H; (tên gọi khác; không); sinh ngày 26-11-1983 tại huyện H, tỉnh T. Nơi cư trú: Thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; sinh năm: 1961; có chồng: Lý Sinh T; sinh năm: 1980 (đã ly hôn); có 02 là Lý Thị Ngọc B; sinh năm 2007; Lý Văn V; sinh năm: 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị áp dụng cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Đặng Văn Đ, sinh năm 1983, trú tại thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh H. Vắng mặt.

2. Phạm Văn P, sinh năm 1989, trú tại thôn K, xã, huyện H, tỉnh H. Có đơn xét xử vắng mặt.

3. Lù Thị R, sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh H. Có đơn xét xử vắng mặt.

4. Hoàng Văn M, sinh năm 1993, trú tại thôn L, xã N, huyện H, tỉnh H. Có mặt.

5. Đặng Văn Q, sinh năm 1992, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Hà. Có đơn xét xử vắng mặt.

6. Lã Kim C, sinh năm 1982, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H. Có đơn xét xử vắng mặt.

7. Tráng Thị H, sinh năm 1982, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H. Có đơn xét xử vắng mặt.

8. Hoàng Thị M, sinh năm 1991, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H. Có đơn xét xử vắng mặt.

9. Nguyễn Thị N, sinh năm 1983, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H. Có đơn xét xử vắng mặt.
10. Thèn Seo T, sinh năm 1989, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh H. Có đơn xét xử vắng mặt.
11. Lù Văn T, sinh năm 1976, trú tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh H. Có đơn xét xử vắng mặt.
12. Nùng Seo B, sinh năm 1994, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh H. Có đơn xét xử vắng mặt.
13. Nghiêm Xuân B, sinh năm 1981, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H. Có mặt.
14. Nguyễn Thị H, sinh năm 1987, trú tại thôn C, xã P, huyện H, tỉnh H. Có đơn xét xử vắng mặt.
15. Mai Thị N, sinh năm 1985, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H. Có đơn xét xử vắng mặt.
16. Nùng Thị B, sinh năm 1985, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh H. Có đơn xét xử vắng mặt.
17. Nùng Xuân N, sinh năm 1982, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh H. Có đơn xét xử vắng mặt.
18. Hoàng Thị V, sinh năm 1979, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H. Có đơn xét xử vắng mặt.
19. Phùng Văn K, sinh năm 1988, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H. Vắng mặt.
20. Hoàng Thị L, sinh năm 1983, trú tại thôn K, xã T, huyện H, tỉnh H. Vắng mặt.
21. Phùng Lao P, sinh năm 1983, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H. Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bằng hình thức cho vay tiền để hưởng lãi theo ngày với các mức lãi suất 3000,đ/1.000.000đồng tiền vay/01 ngày tương đương với 09%/tháng và 109,%/01 năm; 10.000,đ/1.000.000đồng tiền vay/01 ngày tương đương với 30,4%/tháng và 365%/01 năm; 15.000,đ/1.000.000đồng tiền vay/01 ngày tương đương với 45,62%/tháng và 547,5%/01 năm. Từ tháng 11/2017 đến 27/11/2018 Nguyễn Thị H có cho một số người vay tiền để hưởng lãi suất trên gồm:

1. Đặng Văn Đ, sinh năm 1983, trú tại thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh H vay 04 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 10/01/2018 Đ vay 5.000.000đ, lãi suất 15.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày đến ngày 19/01/2018, trả lãi: 750.000đ và nợ gốc.

Lần 2: Ngày 19/01/2018 Đ vay 5.000.000đ, cộng lần 1 tổng 10.000.000đ, lãi suất 15.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày đến ngày 22/01/2018. Trả gốc và trả lãi 3 ngày: 450.000đ.

Lần 3: Ngày 23/2/2018 Đ vay 15.000.000đ, lãi suất 15.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 26/02/2018, trả gốc và trả lãi 3 ngày: 675.000đ.

Lần 4: Ngày 16/4/2018 Đ vay 10.000.000đ, lãi suất 10.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày đến ngày 26/04/2018 trả gốc và trả lãi 10 ngày: 1.000.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 123.288đ (*một trăm hai ba nghìn hai trăm tám tám đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là: 2.751.712đ (*Hai triệu bảy trăm năm mươi một nghìn bảy trăm mười hai đồng*).

2. Phạm Văn P, sinh năm 1989, trú tại thôn K, xã N, huyện H, tỉnh H vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 06/8/2018 P vay 30.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 15/8/2018 trả gốc và trả lãi 10 ngày: 3.000.000đ.

Lần 2: Ngày 08/8/2018 P vay 10.000.000đ, lãi suất 15.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 17/8/2018 trả gốc và trả lãi 10 ngày: 1.500.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 219.178đ (*hai trăm mười chín nghìn một trăm bảy tám đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là: 4.280.822đ (*Bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*).

3. Lù Thị R, sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh H, vay 01 lần, cụ thể: Ngày 10/08/2018 R vay 17.000.000đ, lãi suất 15.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 19/8/2018 trả gốc và trả lãi 10 ngày là 2.400.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 93.150đ (*chín ba nghìn một trăm năm mươi đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là: 2.306.850đ (*Hai triệu ba trăm linh sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng*).

4. Hoàng Văn M, sinh năm 1993, trú tại thôn L, xã N, huyện H, tỉnh H, vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 15/08/2018 M vay 20.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 đến ngày 23/11/2018 Nợ gốc và trả lãi 101 ngày: 20.200.000đ.

Lần 2: Ngày 24/11/2018 M vay 10.000.000đ, cộng lần 1 tổng 30.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 24/11/2018 Nợ gốc và trả lãi 16 ngày: 4.800.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 1.369.863đ (*một triệu ba trăm sáu chín nghìn tám trăm sáu ba đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là: 23.630.137đ (*hai mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng*).

5. Đặng Văn Q, sinh năm 1992, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh H, vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 12/4/2018 Q vay 35.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 14/4/2018 trả gốc và trả lãi 02 ngày: 700.000đ.

Lần 2: Ngày 22/4/2018 Q vay 12.000.000đ, lãi suất 15.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 29/4/2018 Trả gốc và trả lãi 07 ngày: 1.260.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 84.392 (*tám tư nghìn ba trăm chín hai đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là: 1.875.608đ (*Một triệu tám trăm bảy mươi năm nghìn sáu trăm linh tám đồng*).

6. Lã Kim C, sinh năm 1982, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 28/2/2018 C vay 6.000.000đ, lãi suất 15.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 03/3/2018 Trả gốc và trả lãi 04 ngày: 360.000đ.

Lần 2: Ngày 02/9/2018 C vay 5.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 02/11/2018 nợ gốc và trả lãi 60 ngày: 3.000.000đ. Ngày 20/8/2019 đã trả gốc 5.000.000,đ

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 177.535đ (*một trăm bảy bảy nghìn năm trăm ba năm đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là: 3.182.465đ (*Ba triệu một trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi năm đồng*).

7. Tráng Thị H, sinh năm 1982, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H vay 05 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 28/12/2018 H vay 4.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 08/1/2018 Trả gốc và trả lãi 12 ngày: 480.000đ.

Lần 2: Ngày 08/01/2018 H vay 6.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 11/01/2018 trả gốc và trả lãi 04 ngày: 240.000đ.

Lần 3: Ngày 03/04/2018 H vay 13.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 22/4/2018 Trả gốc và trả lãi 03 ngày: 390.000đ.

Lần 4: Ngày 27/8/2018 H vay 7.000.000đ, lãi suất 15.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 31/8/2018 Trả gốc và trả lãi 04 ngày: 420.000đ.

Lần 5: Ngày 25/10/2018 H vay 15.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 25/11/2018 nợ gốc và trả lãi 17 ngày: 2.500.000đ, nợ lãi 2.150.000đ. Ngày 20/8/2019 đã trả gốc 15.000.000đ

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 215.890đ (*hai trăm mười lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là: 3.814.110đ (*Ba triệu tám trăm mười bốn nghìn một trăm mười đồng*).

8. Hoàng Thị M, sinh năm 1991, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H vay 04 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 08/1/2018 M vay 5.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 10/2/2018 trả gốc và trả lãi 34 ngày: 1.700.000đ.

Lần 2: Ngày 28/2/2018 M vay 15.000.000đ, lãi suất 15.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 14/3/2018 trả gốc và trả lãi 15 ngày: 3.375.000đ.

Lần 3: Ngày 28/5/2018 M vay 7.000.000đ, lãi suất 15.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 31/5/2018 trả gốc và trả lãi 03 ngày: 315.000đ.

Lần 4: Ngày 28/9/2018 M vay 7.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 30/9/2018 trả gốc và trả lãi 03 ngày: 210.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 239.452đ (*hai trăm ba chín nghìn bốn trăm năm hai đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là: 5.360.548đ (*Năm triệu ba trăm sáu mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng*).

09. Nguyễn Thị N, sinh năm 1983, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H vay 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 13/7/2018 N vay 6.400.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 15/8/2018 trả gốc và trả lãi 32 ngày: 2.100.000đ.

Lần 2: Ngày 30/9/2018 N vay 5.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 08/11/2018 trả gốc và trả lãi 09 ngày: 450.000đ.

Lần 3: Ngày 06/11/2018 N vay 4.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 08/11/2018 trả gốc và trả lãi 02 ngày: 80.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 141.260đ (*một trăm bốn một nghìn hai trăm sáu mươi đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là: 2.488.740đ (*Hai triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi đồng*).

10. Thèn Seo T, sinh năm 1989, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh H, vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 04/6/2018 T vay 10.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 14/6/2018 trả gốc và trả lãi 10 ngày: 1.000.000đ.

Lần 2: Ngày 27/8/2018 T vay 20.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 27/9/2018 Nợ gốc và trả lãi 30 ngày: 6.000.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 383.562đ (*ba trăm tám ba nghìn năm trăm sáu hai đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là: 6.616.438đ (*Sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng*).

11. Lù Văn T, sinh năm 1976, trú tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh H, vay 01 lần: Ngày 02/4/2018 T vay 10.000.000đ, lãi suất 15.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 13/5/2018 Nợ gốc và trả lãi 40 ngày: 6.000.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 219.178đ (*hai trăm mười chín nghìn một trăm bảy tám đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là: 5.780.822đ (*Năm triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*).

12. Nùng Seo B, sinh năm 1994, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh H, vay 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 03/1/2018 B vay 2.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 03/2/2018 trả gốc và trả lãi 30 ngày: 600.000đ.

Lần 2: Ngày 22/3/2018 B vay 2.000.000đ, lãi suất 15.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 01/4/2018 Nợ gốc và trả lãi 11 ngày: 330.000đ.

Lần 3: Ngày 01/4/2018 B vay 6.000.000 cộng với số tiền gốc lần 2, tổng là 8.000.000đ, lãi suất 15.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 03/4/2018 Trả gốc và trả lãi 3 ngày: 360.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 58.082đ (*năm tám nghìn không trăm tám hai đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là: 1.231.918đ (*Một triệu hai trăm ba mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng*).

13. Nghiêm Xuân B, sinh năm 1981, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H, vay 01 lần: Ngày 08/8/2018 vay: 15.450.000đ, lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 02/10/2018 Trả gốc và trả lãi 56 ngày: 2.595.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 173.040đ (*một trăm bảy ba nghìn không trăm bốn mươi đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là: 2.421.960đ (*Hai triệu bốn trăm hai mươi một nghìn chín trăm sáu mươi đồng*).

14. Nguyễn Thị H, sinh năm 1987, trú tại thôn Cốc Mui Hạ, xã Pồ Lồ, huyện H, tỉnh H, vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 26/4/2018 H vay 5.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 28/4/2018 Trả gốc và trả lãi 03 ngày: 150.000đ.

Lần 2: Ngày 13/8/2018 H vay 1.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 15/8/2018 Nợ gốc và trả lãi 03 ngày: 30.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 9.863đ (*chín nghìn tám trăm sáu ba đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là: 170.137đ (*Một trăm bảy mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng*).

15. Mai Thị N, sinh năm 1985, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H, vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 23/4/2018 N vay 2.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 24/4/2018 nợ gốc và trả lãi 01 ngày: 20.000đ.

Lần 2: Ngày 24/4/2018 N vay 7.000.000đ cộng với số tiền gốc lần 1, tổng là 9.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 19/5/2018 Trả gốc và trả lãi 26 ngày: 2.340.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 129.315đ (*một trăm hai chín nghìn ba trăm mười năm đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là: 2.230.685đ (*Hai triệu hai trăm ba mươi nghìn sáu trăm tám mươi năm đồng*).

16. Nùng Thị B, sinh năm 1985, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh H, vay 1 lần: Ngày 28/1/2018 B vay 5.000.000đ, lãi suất 15.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 30/01/2018 Trả gốc và trả lãi 03 ngày: 225.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 8.219đ (*tám nghìn hai trăm mười chín đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là 216.781đ (*Hai trăm mười sáu nghìn bảy trăm tám mươi một đồng*). Bá đã trả toàn bộ số tiền vay.

17. Nùng Xuân N, sinh năm 1982, trú tại thôn N, xã N, huyện H, tỉnh H, vay 1 lần: Ngày 29/10/2018 vay 5.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 09/11/2018 Trả gốc 3.000.000đ và trả lãi 18 ngày: 600.000đ. Ngày 20/8/2019 đã trả xong gốc 2.000.000đ

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 32.877đ (*ba hai nghìn tám trăm bảy bảy đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là 567.123đ (*Năm trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng*).

18. Hoàng Thị V, sinh năm 1979, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H, vay 01 lần: Ngày 18/8/2018 vay 50.000.000đ, lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 21/8/2018 trả gốc và trả lãi 03 ngày: 450.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 82.192đ (*tám hai nghìn một trăm chín hai đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là 367.808đ (*Ba trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh tám đồng*).

19. Phùng Văn K, sinh năm 1988, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H, vay 01 lần: Ngày 04/6/2018 vay 25.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 15/6/2018 Trả gốc và trả lãi 12 ngày: 3.000.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 164.384đ (*một trăm sáu tư nghìn ba trăm tám tư đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là 2.835.616đ (*Hai triệu tám trăm ba mươi năm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*).

20. Hoàng Thị L, sinh năm 1983, trú tại thôn K, xã T, huyện H, tỉnh H, vay 01 lần: Ngày 19/7/2019 vay 80.000.000đ, lãi suất 15.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 21/7/2018 Trả gốc và trả lãi 02 ngày: 2.400.000đ.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 87.671đ (*tám bảy nghìn sáu trăm bảy một đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là 2.312.329đ (*Hai triệu ba trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*).

21. Phùng Lao P, sinh năm 1983, trú tại thôn V, xã N, huyện H, tỉnh H, vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 30/8/2018 P vay 40.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1 triệu/1 ngày đến ngày 04/9/2018 Trả gốc 30.000.000đ , và trả lãi 06 ngày: 2.400.000đ. Ngày

13/9/2018 trả gốc tiếp 10.000.000đ và trả lãi 09 ngày: 900.000đ (*chín trăm nghìn đồng*).

Lần 2: Ngày 02/10/2018 P vay 10.000.000đ, lãi suất 10.000đ/1triệu/1ngày đến ngày 22/10/2018 Trả gốc 5.000.000đ và trả lãi 20 ngày là: 2.000.000đ, nợ lại số tiền gốc, đến tháng 7/2019 đã trả xong gốc còn lãi chị H không lấy.

Tổng khoản lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 290.410đ (*hai trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười đồng*), lãi suất vượt quá 20%/năm là 5.009.590đ (*Năm triệu không trăm linh chín nghìn năm trăm chín mươi đồng*).

Như vậy, tổng số tiền lãi thu được là 83.755.000,đ (*Tám mươi ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*), trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/1năm) là 4.302.801 đồng (*Bốn triệu ba trăm linh hai nghìn tám trăm linh một đồng*). Số tiền thu lợi bất chính từ 20%/năm trở lên là 79.452.199đ (*Bảy mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn một trăm chín chín đồng*).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà: Nguyễn Thị H khai nhận do nắm bắt được nhu cầu vay tiền của người dân trên địa bàn xã N và các xã lân cận nên đã nảy sinh ý định cho mọi người vay tiền với mức lãi xuất cao để thu lợi nhuận. Quá trình cho vay, Nguyễn Thị H đã sử dụng tiền gốc là 111.605.000,đ trực tiếp cho 21 người vay. Khi vay bị cáo yêu cầu những người vay viết giấy vay tiền, đối với một số người quen biết thì không yêu cầu những người này viết giấy vay mà ghi vào 03 quyển sổ để theo dõi số tiền vay và khoản tiền lãi thu được, thông thường từ 10 ngày đến 01 tháng phải trả tiền lãi một lần. Đến khi bị phát hiện, anh Hoàng Văn M còn nợ 30 triệu tiền gốc, anh Thèn Seo Tấn còn nợ 20 triệu tiền gốc, anh Lù Văn T còn nợ 10 triệu tiền gốc và lãi suất của một số người chưa thanh toán.

Ngày 22/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trưng cầu giám định chữ viết trên các tài liệu cần giám định là: 01 quyển vở có kích thước 16,5x24cm, trang bìa có dòng chữ Phú Quốc, Kiên Giang; được đánh số trang từ 01 đến 50, tại trang 07 có chữ viết cần giám định (ký hiệu A1); 01 quyển vở có kích thước 16,5x24cm, trang bìa có dòng chữ: School notebook, được đánh số trang từ 01 đến 28, tại trang 11 có chữ viết cần giám định (ký hiệu A2); 01 quyển vở có kích thước 16,5x24cm, trang bìa có dòng chữ: School notebook, The Famous cartoon character Word, được đánh số trang từ 01 đến 40, tại trang 10 có chữ viết cần giám định (ký hiệu A3); 01 bản tự khai đứng tên Nguyễn Thị Hiền, ghi ngày 20/3/2019 (ký hiệu M1); 01 quyển vở có kích thước 16,5 x 24cm, trang bìa có dòng chữ: School notebook, The Famous cartoon character Word, được đánh số trang từ 01 đến 36, tại trang 14 có chữ viết cần giám định (ký hiệu M2); 01 giấy vay tiền đứng tên người cho vay là Nguyễn Thị H, ghi ngày 02/11/2018 (ký hiệu M3) có phải do cùng một người ký, viết ra hay không (BL 177).

Tại bản Kết luận giám định số: 150/KL- PC09 ngày 03/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận:

"Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người ký và viết ra".

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 02/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo qui định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội theo như nội dung cáo trạng và trình bày trong sổ tiền gốc đã cho vay một số người vay chưa trả tiền gốc và lãi cho bị cáo nên đề nghị không phải nộp số tiền này theo qui định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào kết quả tranh tụng, căn cứ vào các qui định của pháp luật, đề nghị kết luận bị cáo phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 24 đến 34 tháng cải tạo không giam giữ, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, bị cáo phải chịu án phí theo qui định.

Về xử lý vật chứng: Số tiền gốc và lãi suất từ 20% trở xuống cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Số tiền lãi suất trên 20% sẽ trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến bổ sung hoặc tranh luận. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát, phần lời nói sau cùng đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào nội dung vụ án, các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tố tụng giải quyết vụ án. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều đảm bảo tính hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xét xử vắng mặt là anh Phùng Lao P, Lù Văn T, Nùng Xuân N, Phạm Văn P, Nùng Seo B, Thèn Seo T, Đặng Văn Q, Lù Thị R, Lã Kim C, Tráng Thị H, Hoàng Thị M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H, Mai Thị N, Nùng Thị B, Hoàng Thị V. Những người vắng mặt không lý do gồm: Đặng Văn Đ, Phùng Văn K, Hoàng Thị L. . Xét thấy những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; tại phiên tòa bị cáo, kiểm sát viên đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì trước đó họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ là các bản giấy vay tiền và sổ sách ghi chép theo dõi quá trình cho vay và thu lãi suất và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở để xác định. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2017 đến ngày 27/11/2018 Nguyễn Thị H đã sử dụng số tiền gốc là 111.605.000đ để cho 21 người vay với 03 mức lãi suất: 3000đ/1triệu/01ngày; 10.000đ/1triệu/01ngày; 15.000đ/1triệu/01ngày cao gấp 5,5 lần, 18,25 lần và 27,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự. Thu lợi bất chính số tiền lãi trên 20%/năm là 79.452.199đ.

Theo qui định về lãi suất tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự cho phép các bên thỏa thuận lãi suất nhưng không quá 20%/năm của khoản tiền vay. Như vậy trong tổng số tiền lãi trên 20% là 79.452.199đ được xác định là thu lợi bất chính để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là đúng qui định của pháp luật. Từ căn cứ trên, có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của Nguyễn Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” , Hội đồng xét xử thấy rằng việc truy tố để xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của bị cáo còn làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do phải trả lãi quá cao, làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Do đó phải xử lý nghiêm theo qui định của pháp luật.

[5] Về nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị kết án.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm s, i khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về hình phạt:

[8] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, mục đích của hình phạt. Xét thấy, bị cáo trong khoảng thời gian dài đã cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất cao để thu lợi bất chính. Tuy nhiên số tiền cho vay mỗi người không nhiều, giữa người cho vay và người vay là tự nguyện, không bị ép buộc. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do đó, áp dụng hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, đảm bảo theo qui định của pháp luật, đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo ý thức tuân thủ pháp luật và đấu tranh phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định, phải nộp vào ngân sách nhà nước và trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

[10] Về xử lý vật chứng.

- Đối với số tiền gốc Nguyễn Thị H cho vay là 111.605.000đ, đây là số tiền bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung vào ngân sách

nhà nước. Tuy nhiên, bị cáo chỉ phải phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc cho vay đã nhận lại từ những người vay là 51.605.000,đ. Đối với số tiền gốc những người vay chưa trả cho bị cáo gồm: Anh Hoàng Văn M 30 triệu đồng; Thèn Seo T: 20.triệu đồng; Lù Văn T: 10 triệu đồng. Về nguyên tắc những người vay phải trả cho bị cáo theo giao dịch dân sự. Tuy nhiên, xác định đây là tiền bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm, do vậy không buộc người vay trên phải trả lại cho bị cáo mà phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền lãi 20% mà bị cáo nhận từ những người vay tương đương với số tiền 4.302.801,đ theo qui định của Bộ luật Dân sự, khoản tiền lãi này không tính vào khối lượng buộc tội bị cáo, tuy nhiên đây là là số tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Về số tiền 31.453.000,đ (tiền VNĐ) đang bị tạm giữ do không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

- Về tiền thu lời bất chính: 79.452.199,đ Hội đồng xét xử thấy rằng với đặc thù của loại tội phạm này do xuất phát từ giao dịch dân sự, những người vay tiền của bị cáo đều với mục đích phục vụ sinh hoạt, cuộc sống hàng ngày, người vay đã phải chịu lãi nặng. Bởi vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người vay cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền lãi đã thu từ mức lãi suất 21% đến 547,5%/năm. Cụ thể bị cáo phải trả lại:

- Anh Đặng Văn Đ: 2.751.712đ ; Phạm Văn P: 4.280.822đ; Lù Thị R: 2.306.850đ; Hoàng Văn M: 23.630.137đ; Đặng Văn Q: 1.875.608đ; Lã Kim C: 3.182.465đ; Tráng Thị H: 3.814.110đ; Hoàng Thị M: 5.360.548đ; Nguyễn Thị N: 2.488.740,đ; Thèn Seo T: 6.616.438,đ; Lù Văn T: 5.780.822đ; Nùng Seo B: 1.231.918,đ; Nghiêm Xuân B: 2.421.960,đ; Nguyễn Thị H: 170.137,đ; Mai Thị N: 2.230.685đ; Nùng Thị B: 216.781,đ; Nùng Xuân N: 567.123đ; Phùng Văn K: 2.835.616đ; Hoàng Thị L: 2.312.329đ; Phùng Lao P: là 5.009.590đ; Hoàng Thị V: 367.808đ.

Đối với số tiền lãi một số người vay chưa thanh toán, do số tiền này chưa phát sinh trên thực tế nên không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị H** phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H **02** (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày UBND xã N, huyện H, tỉnh H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện H, tỉnh H giám sát, giáo dục.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền; miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung vào ngân sách nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm đ khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với Nguyễn Thị H.

- Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 55.907.801,đ (*Năm mươi năm triệu chín trăm linh bảy nghìn tám trăm linh một đồng*) là tiền sử dụng vào việc phạm tội và tiền lãi phát sinh từ việc phạm tội.

- Trả lại bị cáo: 31.453.000,đ (*Ba mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng*) đang bị tạm giữ do không liên quan đến tội phạm, tuy nhiên cần tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

Buộc anh Hoàng Văn M phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 30.000.000,đ (ba mươi triệu đồng); Thèn Seo T phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng); Lù Văn T phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 10.000.000,đ (Mười triệu đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay số tiền sau:

- Anh Đặng Văn Đ: 2.751.712đ (*Hai triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn bảy trăm mười hai đồng*).

- Phạm Văn P: 4.280.822đ (*Bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*).

- Lù Thị R: 2.306.850đ (*Hai triệu ba trăm linh sáu nghìn tám trăm năm mươi đồng*).

- Hoàng Văn M: 23.630.137đ (*hai mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng*).

- Đặng Văn Q: 1.875.608đ (*Một triệu tám trăm bảy mươi năm nghìn sáu trăm linh tám đồng*).

- Lã Kim C: 3.182.465đ (*Ba triệu một trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi năm đồng*).

- Tráng Thị H: 3.814.110đ (*Ba triệu tám trăm mười bốn nghìn một trăm mười đồng*).

- Hoàng Thị M: 5.360.548đ (*Năm triệu ba trăm sáu mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng*).

- Nguyễn Thị N: 2.488.740,đ (*Hai triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi đồng*).

- Thèn Seo T: 6.616.438,đ (*Sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng*).

- Lù Văn T: 5.780.822đ (*Năm triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*).

- Nùng Seo B: 1.231.918,đ (*Một triệu hai trăm ba mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng*).

- Nghiêm Xuân B: 2.421.960,đ (Hai triệu bốn trăm hai mươi một nghìn chín trăm sáu mươi đồng).
- Nguyễn Thị H: 170.137,đ (Một trăm bảy mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng).
- Mai Thị N: 2.230.685đ (Hai triệu hai trăm ba mươi nghìn sáu trăm tám mươi năm đồng).
- Nùng Thị B: 216.781,đ (Hai trăm mười sáu nghìn bảy trăm tám mươi một đồng). B đã trả toàn bộ số tiền vay.
- Nùng Xuân N: 567.123đ (Năm trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng).
- Phùng Văn K: 2.835.616đ (Hai triệu tám trăm ba mươi năm nghìn sáu trăm mười sáu đồng).
- Hoàng Thị L: 2.312.329đ (Hai triệu ba trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).
- Phùng Lao P: 20%/năm là 5.009.590đ (Năm triệu không trăm linh chín nghìn năm trăm chín mươi đồng).
- Hoàng Thị V: 367.808đ (Ba trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh tám đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị Hiền phải chịu 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 331 , Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện + VKSND tỉnh HG
- Chi cục THADS HSP
- CQĐT+ CQTHAHS Công an HSP;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh HG;
- Bị cáo, người liên quan;
- UBND xã Nậm Khoá;
- Lưu HS VA+HSTHAPT.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Cao Danh Nhân